

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** C1.A104
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 7h30 **Ngày thi:** 14/01/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0162	SV5949166	Đinh Thị Mai	Anh	03/06/1999		
2	TA0163	SV5949167	Đỗ Đoàn Đức	Anh	05/10/1998		
3	TA0164	SV5949168	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	19/04/1999		
4	TA0164	SV5949169	Nguyễn Trọng Quốc	Anh	16/02/1999		
5	TA0165	SV5949170	Nguyễn Tuấn	Anh	30/01/1997		
6	TA0166	SV5949171	Phạm Hoàng	Anh	21/09/1999		
7	TA0167	SV5949172	Trần Đức	Anh	26/06/1999		
8	TA0168	SV5949173	Trần Hoàng	Anh	04/05/1999		
9	TA0169	SV5949174	Tạ Mạnh	Cường	23/02/1998		
10	TA0170	SV5949175	Hoàng Trọng	Đạt	19/05/1999		
11	TA0171	SV5949176	Nguyễn Duy	Đức	09/08/1999		
12	TA0172	SV5949177	Nguyễn Thế	Đức	05/08/1997		
13	TA0173	SV5949178	Lê Viết Tùng	Dương	16/09/1997		
14	TA0174	SV5949179	Nguyễn Đức	Duy	03/07/1999		
15	TA0175	SV5949180	Nguyễn Thị Thuý	Duyên	10/06/1997		
16	TA0176	SV5949181	Bùi Minh	Hải	13/06/1999		
17	TA0177	SV5949182	Lê Ngọc	Hải	05/07/1998		
18	TA0178	SV5949183	Vũ Hoàng	Hải	24/05/1998		
19	TA0179	SV5949184	Đỗ Thị	Hằng	20/05/1997		
20	TA0180	SV5949185	Bùi An	Hiếu	25/10/1999		
21	TA0181	SV5949186	Đinh Văn	Hiếu	10/10/1998		
22	TA0182	SV5949187	Đoàn Minh	Hoàng	19/03/1999		
23	TA0183	SV5949188	Nguyễn Đức	Hoàng	11/02/1997		
24	TA0184	SV5949189	Phan Trọng	Hoàng	02/01/1997		
25	TA0185	SV5949190	Cao Thanh	Hưng	27/12/1999		
26	TA0186	SV5949191	Nguyễn Quang	Hưng	17/11/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0187	SV5949192	Nguyễn Tất	Hưng	15/09/1999		
28	TA0188	SV5949193	Nguyễn Ngọc	Khánh	06/12/1997		
29	TA0219	SV5949280	Hoàng Thu	Trang	10/05/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)